

CTCP VSC GREEN LOGISTICS
VSC GREEN LOGISTICS JSC

---o0o---

Số/ No: 09/2026/CBTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

---o0o---

Hải Phòng, ngày 26. tháng 02 năm 2026

Hai Phong, February 26.th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Name of organization: VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: GIC

- Địa chỉ: Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Address: Lot CC2 - MP Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225 283 8666 Fax: 0225 2838898

- E-mail: fgd@greenicd.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty cổ phần VSC Green Logistics công bố Báo cáo thường niên năm 2025.

VSC Green Logistics Joint Stock Company announces the Annual Report for the year 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26./02/2026 tại đường dẫn www.greenicd.com.vn.

This information was disclosed on the Company's website on February 26.th, 2026, at the following link: www.greenicd.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We pledge that the information disclosed above is true and accurate, and we shall be fully responsible before the law for the contents of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm/Attached

documents:

- Báo cáo thường niên.

The Annual Report

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201768923
- Vốn điều lệ: 121.200.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 121.200.000.000 đồng
- Địa chỉ: Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.2838666 – Số fax: 0225.2838689
- Website: www.greenicd.com.vn
- Mã cổ phiếu: GIC
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần VSC Green Logistics (Tên cũ là: Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh) được thành lập ngày 24/01/2017 với vốn điều lệ 101.000.000.000 đồng.

Công ty được hình thành và phát triển với sự kế thừa về nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm và mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm từ công ty TNHH MTV Bến Xanh (công ty 100% vốn của CTCP Container Việt Nam - Viconship) với lĩnh vực cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa, vệ sinh container... Với khách hàng hãng tàu truyền thống và đội ngũ CBNV với kinh nghiệm quản lý, khai thác kho bãi lâu năm, ngay khi dự án xây dựng bãi container của công ty hoàn thành từng phần hạng mục và đi vào hoạt động từ tháng 7/2017, công ty đã nhanh chóng cung cấp dịch vụ cho khách hàng truyền thống, liên tục tăng trưởng doanh thu và có lợi nhuận ngay từ năm tài chính đầu tiên. Công ty không ngừng đầu tư trang thiết bị chuyên dùng hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại Việt Nam và khu vực...

Năm 2018, để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 121.200.000.000 đồng

Ngày 06/04/2020 Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2268/UBCK-GSĐC.

Ngày 26/06/2020 Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 43/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 12.120.000 cổ phần.

Ngày 22/10/2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Quyết định Niêm yết số 577/QĐ-SGDHN cho phép Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 06/11/2020 cổ phiếu của Công ty đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán GIC.

- Các sự kiện khác:



Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp: 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 01 năm 2017, được sửa đổi bổ sung lần thứ 04 vào ngày 13 tháng 03 năm 2025 cấp bởi Sở Tài chính thành phố Hải Phòng.

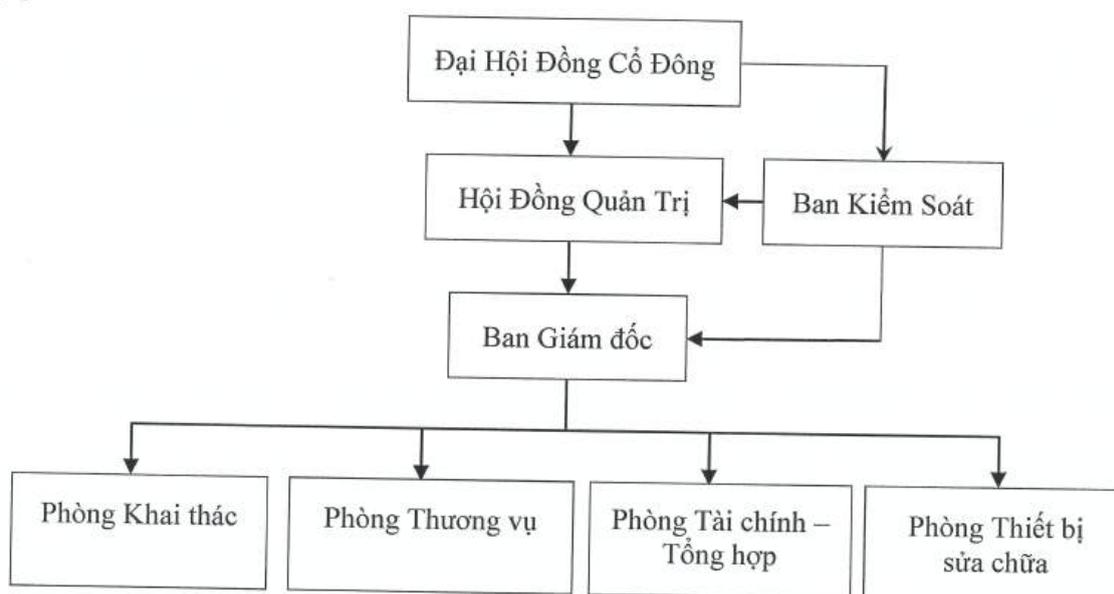
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Khai thác bãi
 - + Sửa chữa container
- Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chính tại Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, các Luật khác và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty tập trung đẩy mạnh mở rộng hệ thống dịch vụ logistics và kho bãi, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng và khắt khe của khách hàng. Công ty đặt mục tiêu duy trì sự phát triển bền vững, tối ưu hóa năng lực cạnh tranh tại khu vực Hải Phòng, đồng thời từng bước nâng tầm vị thế để trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi và logistics có uy tín trên thị trường quốc tế.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là nghiên cứu sâu sát diễn biến thị trường để thực hiện các dự án đầu tư vào những lĩnh vực tiềm năng, dựa trên nền tảng thế mạnh về hạ tầng bãi và dịch vụ container sẵn có. Chiến lược này nhằm khai thác tối đa lợi ích kinh tế, tạo ra các giá trị gia tăng mới trong chuỗi cung ứng, từ đó đưa quy mô và vị thế của Công ty phát triển lên một tầm cao mới, đảm bảo quyền lợi lâu dài cho cổ đông.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Công ty cam kết gắn kết chặt chẽ trách nhiệm với môi

trường, xã hội và cộng đồng vào chiến lược quản trị và văn hóa doanh nghiệp. Trong ngắn hạn và trung hạn, GIC tập trung thực hiện các chương trình giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình vận hành, đảm bảo an toàn lao động và chú trọng các hoạt động an sinh xã hội, coi đây là kim chỉ nam để doanh nghiệp phát triển ổn định và thịnh vượng.

5. Các rủi ro

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều biến động bất thường, hoạt động của Công ty đang đối mặt với những thách thức lớn từ sự không ổn định của thị trường vận tải biển và áp lực cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cùng ngành. Bên cạnh đó, các rủi ro về biến động chi phí đầu vào, sự thay đổi chính sách pháp lý và các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường cũng là những yếu tố tiềm ẩn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu các tác động này, Công ty luôn chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường, tối ưu hóa công tác quản trị và duy trì nền tảng tài chính lành mạnh để đảm bảo sự phát triển ổn định.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2025 ghi dấu ấn là một giai đoạn đầy thách thức đối với ngành logistics khi áp lực cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành ngày càng trở nên khốc liệt. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao và những quyết sách chiến lược đúng đắn từ Hội đồng Quản trị cùng Ban điều hành, VSC Green Logistics đã chủ động thích ứng và vượt qua rào cản thị trường. Công ty không chỉ duy trì được nhịp độ tăng trưởng ổn định, đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững mà còn đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh rất khả quan, khẳng định vị thế vững chắc của GIC trong chuỗi cung ứng tại khu vực.

- Doanh thu đạt 155,97 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 16,51 tỷ đồng.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.204 đồng.

Hoạt động khai thác bãi vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2025	Năm 2024	Tỷ lệ
Doanh thu	155,97	145	107,57%	155,97	159,34	97.89%
Lợi nhuận trước thuế	16,51	16,5	100,06%	16,51	18,09	91.27%

- Doanh thu: 155,97 tỷ đồng, đạt 107.57% so với kế hoạch ĐHĐCĐ và bằng 97.89% so với năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế: 16,51 tỷ đồng, vượt 0.06% so với kế hoạch ĐHĐCĐ và bằng 91.27% so với năm 2024.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	0,1% Vốn điều lệ
Ông Đặng Quốc Vệ	Phó Giám đốc	0% Vốn điều lệ
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	0% Vốn điều lệ

Tóm tắt lý lịch:

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	2,77	4,04	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>	2,64	3,93	
<i>Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	0,08	0,08	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,08	0,08	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<i>Giá vốn hàng bán</i>	38,48	37,80	
<i>Hàng tồn kho bình quân</i>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	0,61	0,56	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	0,10	0,09	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,06	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,06	0,06	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,11	0,11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 12.120.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 12.120.000 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 12.120.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31.12.2025

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp (%)	Số lượng CP năm giữ
1	Tổ chức	73,29	8.882.500
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	6,95	842.500
	Tổ chức Việt Nam	66,34	8.040.000
	Cá nhân	26,71	3.237.500
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	3,68	445.700
	Cá nhân Việt Nam	23,03	2.791.800
2	Trong nước	89,37	10.831.800

	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	66,34	8.040.000
	Cá nhân trong nước	23,03	2.791.800
	Nước ngoài	10,63	1.288.200
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	6,95	842.500
	Cá nhân nước ngoài	3,68	445.700
3	Phân loại khác		
	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	73,29	8.882.500
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ phiếu quỹ		

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Thời điểm	Nội dung	Đơn vị cấp
1	2017	Công ty thành lập với số vốn điều lệ là 101.000.000.000 đồng	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất
2	2018	Công ty chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20%, nâng vốn điều lệ lên thành 121.200.000.000 đồng	Được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 0 cổ phiếu

e. Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi nên ước tính tổng lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp đạt mức độ thấp.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty luôn áp dụng các công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Ngành nghề chính của Công ty là khai thác kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hàng hải, nên nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là điện năng, dầu diesel, dầu mỡ phụ và các vật tư phụ tùng khác. Nguyên vật liệu năm 2025 là: 25.925.058.668 đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tương đương: rất ít

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Lượng nước tiêu thụ chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng, vệ sinh bãi, container. Lượng nước sử dụng năm 2025 tương đương: 2.681.041.159 đồng

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 120 người. Thu nhập bình quân: 21,64 triệu đồng/người/tháng.

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ ... Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2025 Công ty đã thực hiện tốt việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện. Công ty luôn tích cực, chỉ nhiều tỷ đồng trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, ủng hộ đồng bào bão lụt...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty đang có những định hướng và áp dụng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

– Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động kinh doanh trước đây:

Năm 2025 là một cột mốc đặc biệt quan trọng đối với Công ty khi chính thức vận hành dưới danh xưng mới – Công ty CP VSC Green Logistics. Đây không chỉ là sự thay đổi về tên gọi mà còn là bước đi chiến lược nhằm khẳng định định hướng phát triển "Xanh" và bền vững trong chuỗi cung ứng Logistics.

Trong bối cảnh thị trường vận tải biển quốc tế và khu vực Hải Phòng tiếp tục đối mặt với áp lực dư thừa nguồn cung hạ tầng kho bãi, Ban Giám đốc đã linh hoạt triển khai mô hình quản trị tối ưu hóa chi phí và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Kết quả đạt được như sau:

- Doanh thu: Đạt 155,97 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm mà ĐHCĐ giao phó. Dù thị trường có nhiều biến động về giá cước và sản lượng, việc duy trì doanh thu ở mức này cho thấy sự ổn định của tệp khách hàng truyền thống từ hệ thống Viconship.
- Lợi nhuận trước thuế: Đạt 16,51 tỷ đồng, vượt 0.06% so với kế hoạch đề ra. Đây là minh chứng cho hiệu quả của công tác quản lý tài chính và việc ứng dụng công nghệ (phần mềm E-Depot) vào vận hành, giúp tiết giảm đáng kể chi phí nhân công và thời gian giải phóng container.
- Mảng dịch vụ cốt lõi: Khai thác bãi và sửa chữa container tiếp tục là "xương sống" đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào lợi nhuận. Đặc biệt, các dịch vụ giá trị gia tăng (VAS) đã bước đầu tạo ra sự khác biệt, giúp giữ chân các hãng tàu lớn trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Chuyển đổi thương hiệu thành công: Việc thay đổi nhận diện thương hiệu sang VSC Green Logistics đã nhận được phản hồi tích cực từ đối tác, giúp nâng cao vị thế của Công ty trong phân khúc dịch vụ logistics thân thiện với môi trường.
- Số hóa vận hành: Tiếp tục hoàn thiện và khai thác triệt để hệ thống phần mềm E-Depot, giúp minh bạch hóa dữ liệu, rút ngắn thời gian giao nhận và giảm thiểu sai sót trong công tác thương vụ.
- Quản trị tài chính: Công tác bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện nghiêm túc. Công ty không phát sinh nợ xấu, các chỉ số thanh toán luôn duy trì ở ngưỡng an toàn cao, đảm bảo nguồn lực cho các dự án đầu tư sắp tới.
- Chính sách nhân sự: Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động trong bối cảnh kinh tế chung còn khó khăn, tổ chức thành công các đợt đào tạo nâng cao tay nghề và các hoạt động thi thố giỏi để tăng năng suất lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đầu kỳ 262.562.040.922 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 54.068.820.897 đồng và tài sản dài hạn là 208.493.220.025 đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 276.971.592.728 đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 85.165.704.112 đồng và tài sản dài hạn là 191.805.888.616 đồng.

Không có nợ phải thu xấu. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 20.197.777.280 đồng, cuối kỳ là: 21.980.558.911 đồng. Trong đó, khoản vay dài hạn đầu kỳ là: 0 đồng, cuối kỳ là: 0 đồng. Dự phòng phải trả khoản chi phí hoàn nguyên mặt bằng: 751.130.131 đồng.

– Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành.

Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của CBCNV, tăng năng suất lao động. Tổ chức thi thợ giỏi, khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ. Tiếp tục hoàn thiện ứng dụng phần mềm “E-Depot”.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định.

Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới” thông qua việc cùng khách hàng cung cấp các giải pháp “Gói dịch vụ” song song với việc cung cấp thêm “Dịch vụ giá trị gia tăng”.

Kết nối với các đơn vị trong cùng Tập đoàn sâu rộng hơn nữa và không chỉ giới hạn trong phạm vi Công ty.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường nhằm tăng năng suất, chất lượng dịch vụ hơn nữa.

Rà soát nhân sự, tiền lương, quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất.

Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí; triệt để tiết kiệm; đảm bảo kinh doanh có hiệu quả; tỷ lệ cổ tức đạt từ 10% và có tích lũy để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...). Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong quá trình phát triển bền vững Công ty.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định. Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện xã hội.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- *Tình hình kinh tế thế giới:* Năm 2025, kinh tế toàn cầu trải qua giai đoạn biến động mạnh với sự phân hóa rõ rệt. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP thế giới ước đạt khoảng 3,2%. Mặc dù lạm phát tại các nền kinh tế lớn đã bắt đầu hạ nhiệt giúp nới lỏng chính sách tiền tệ, nhưng tình hình địa chính trị phức tạp và sự bùng nổ của các rào cản thuế quan mới đã tạo ra áp lực lớn lên chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ AI và làn sóng đầu tư vào hạ tầng năng lượng xanh đã trở thành động lực mới, thúc đẩy các doanh nghiệp Logistics phải nhanh chóng chuyển đổi để thích nghi với kỷ nguyên "Logistics xanh và khả năng thích ứng cao".

- *Việt Nam:* Việt Nam tiếp tục là điểm sáng tăng trưởng trong khu vực với mức GDP năm 2025 ước đạt 8,02% – một con số ấn tượng trong giai đoạn 2011-2025. Đặc biệt, kim ngạch xuất nhập khẩu vượt mốc 900 tỷ USD đã tạo ra dư địa phát triển rất lớn cho ngành dịch vụ cảng biển và kho bãi. Ngày 09/10/2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025–2035*, xác định mục tiêu giảm chi phí, số hóa và xanh hóa toàn ngành. Đây là nền tảng pháp lý quan trọng giúp các doanh nghiệp như GIC có định hướng đầu tư rõ ràng hơn.

Với nỗ lực của Ban Giám đốc cùng các cấp quản lý đã giữ vững được uy tín với khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty trong các năm tiếp theo. Nhìn tổng quan kết quả đã đạt được là rất đáng khích lệ, tạo đà cho triển vọng phát triển sắp tới theo đúng truyền thống văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Các công nghệ mới và hiện đại được ứng dụng vào quá trình khai thác và thủ tục hành chính, mang lại sự tiện lợi cho khách hàng.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu, chi của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách cho Nhà nước.

Công tác tiếp thị làm thị trường được Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và trực tiếp thực hiện các mảng dịch vụ mang lại nhiều doanh thu, lợi nhuận, đồng thời luôn chỉ đạo các đơn vị với quan điểm: khách hàng là sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng và các tổ chức trong nước, quốc tế biết đến. Quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài ngày càng mở rộng.

Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập cao. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, và phúc lợi xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, sự cạnh tranh khốc liệt của các đơn vị cùng ngành nghề, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh rất đáng tự hào, Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty phát triển mảng hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác bãi cốt lõi, đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu trên thị trường trong nước và quốc tế.

Lựa chọn các hạng mục, dự án đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT, chức danh quản lý tại các cty khác
1	Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch	0%	Thành viên HĐQT	2
2	Lê Quang Huy	Thành viên	0%	Thành viên HĐQT độc lập	3
3	Đông Trung Hải	Thành viên	0,1%	Thành viên HĐQT	1
4	Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên	0%	Thành viên HĐQT	2
5	Trần Thị Phương Anh	Thành viên	0%	Thành viên HĐQT	5

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp định kỳ, bất thường để tổng kết đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh; chỉ đạo, định hướng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn kế tiếp.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tình hình kinh tế thế giới năm 2025 vẫn tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, ngành vận tải biển vẫn gặp nhiều khó khăn,, áp lực cạnh tranh giữa các cảng, kho bãi, vận tải ngày càng gay gắt, quyết liệt. Đánh giá đúng tình hình, HĐQT cùng tập thể ban lãnh đạo Công ty đã đoàn kết, tập trung trí tuệ, đề ra những chủ trương chính sách sát với thực tiễn, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025.

HĐQT Công ty tổ chức nhiều cuộc họp thường kỳ trực tiếp hoặc bằng hình thức qua thư điện tử để đề ra các các quyết định quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo tuân thủ định hướng của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Năm 2025 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng như sau:

Stt	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2025/NQ	15/01/2025	Thông nhất thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường

	-HĐQT		niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh
2	02/2025/NQ -HĐQT	05/02/2025	1/ Thông qua việc tiếp nhận và chấp thuận Đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh nhiệm kỳ 2024-2027 của ông Nguyễn Thế Trọng; thời điểm từ nhiệm: ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty chấp thuận. 2/ Việc từ nhiệm của ông Nguyễn Thế Trọng sẽ được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông công ty gần nhất chấp thuận thông qua theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
3	03/2025/NQ -HĐQT	14/02/2025	Thông qua bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh.
4	04/2025/NQ -HĐQT	27/02/2025	1/ Thông qua danh sách các ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh nhiệm kỳ 2024-2027: Ông Lê Quang Huy. 2/ Danh sách các ứng cử viên có tên nêu tại Điều 1 sẽ được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ công ty.
5	05/2025/NQ -HĐQT	12/06/2025	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 (bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2025, Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025) của Công ty cổ phần VSC Green Logistics.
6	01/2025/QĐ -HĐQT	10/03/2025	Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 số tiền là: 1.660.000.000 đồng.
7	02/2025/QĐ -HĐQT	10/03/2025	Chi thưởng HĐQT, BKS và Thư ký Công ty số tiền là: 306.000.000 đồng
8	06/2025/NQ -HĐQT	23/08/2025	1/ Thông qua chủ trương ký hợp đồng mua tài sản của bên có liên quan như sau: - Đối tượng giao dịch: Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (“GLC”). GLC là người có liên quan của cổ đông lớn của GIC - Công ty Cổ phần Container Việt Nam. - Giá trị dự kiến: 61.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn) - Nhóm tài sản dự kiến thực hiện giao dịch: ✓ Nhà xưởng và/hoặc kho bãi; ✓ Phương tiện vận tải; ✓ Máy móc, thiết bị. 2/ Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty thuê đơn vị thẩm định giá (nếu cần), đàm phán các nội dung cụ thể, ký kết các hợp đồng mua bán, các hồ sơ/giấy tờ để kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu; các văn bản, tài liệu cần thiết khác có liên quan theo quy định pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
9	07/2025/NQ -HĐQT	23/08/2025	1/ Thông qua chủ trương ký hợp đồng mua tài sản của bên có liên quan như sau:

			<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng giao dịch: Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh (“GSL”). GSL là người có liên quan của cổ đông lớn của GIC - Công ty Cổ phần Container Việt Nam. - Giá trị dự kiến: 49.600.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn</i>) - Nhóm tài sản dự kiến thực hiện giao dịch: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Phương tiện vận tải; ✓ Máy móc, thiết bị. <p>2/ Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty thuê đơn vị thẩm định giá (nếu cần), đàm phán các nội dung cụ thể, ký kết các hợp đồng mua bán, các hồ sơ/giấy tờ để kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu; các văn bản, tài liệu cần thiết khác có liên quan theo quy định pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>
10	08/2025/NQ- -HĐQT	29/08/2025	<p>1/ Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo phương án tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 với những nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VSC Green Logistics - Mã chứng khoán: GIC - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu - Vốn điều lệ trước khi phát hành: 121.200.000.000 đồng - Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 12.120.000 cổ phiếu - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: dự kiến 13.332.000 cổ phiếu, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: 1.212.000 cổ phiếu + Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 12.120.000 cổ phiếu - Tổng giá trị phát hành thêm tính theo mệnh giá: 121.200.000.000 đồng - Phương thức phát hành: <ul style="list-style-type: none"> + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: 10% + Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, tỷ lệ thực hiện: 1:1 - Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành dự kiến: 25.452.000 cổ phiếu - Vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến: 254.520.000.000 đồng. <p>Phương án phát hành cụ thể như sau:</p> <p>I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.212.000 cổ phiếu. 2. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 12.120.000.000 đồng. 3. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%. 4. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được

nhận 01 cổ phiếu mới).

5. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của GIC.
6. Thời gian phát hành: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Dự kiến Quý IV/2025 – Quý II/2026.
7. Phương án làm tròn, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
8. Các nội dung khác: Theo Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025.

II. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

1. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 12.120.000 cổ phiếu
2. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 100%
4. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới)
5. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 121.200.000.000 đồng
6. Tỷ lệ chào bán thành công: Không áp dụng
7. Thời gian chào bán: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Dự kiến Quý IV/2025 – Quý II/2026.
8. Phương thức phân phối: Chào bán thêm cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
9. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (GIC) thực hiện theo công văn số 658/UBCK-PTTT ngày 01/04/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được quy định ở mức 49%. Do đó, để việc phát hành và phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ để đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại GIC theo đúng quy định của pháp luật thì HĐQT sẽ thực hiện các biện pháp như sau:
 - Phối hợp với VSDC để đảm bảo cổ đông không thực hiện chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty theo quy định.
 - Trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối với số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và các cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Công ty cam kết sẽ không chào bán tiếp cho các nhà đầu tư nước ngoài nhằm

đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty theo quy định.

10. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
11. Các nội dung khác: Theo Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025.

2/ Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán với nội dung sau:

1. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 121.200.000.000 đồng
2. Phương án sử dụng vốn: Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (121.200.000.000 đồng) sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dự kiến như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
2	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi	40.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
3	Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải	67.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
4	Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị	4.200.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
	Tổng cộng	121.200.000.000	

- Kế hoạch giải ngân chi tiết như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000	
2	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi	40.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
2.1	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng	40.000.000.000	

				đất số 36/HĐCN/GLC-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
			3	Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải	67.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
		3.1	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 37/HĐCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện mua phương tiện vận tải	18.000.000.000		
		3.2	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 170/HĐCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện mua phương tiện vận tải	49.000.000.000		
			4	Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị	4.200.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
		4.1	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 38/HĐCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện mua máy móc, thiết bị	3.600.000.000		
		4.2	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 169/HĐCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện mua máy móc, thiết bị	600.000.000		
			Tổng cộng	121.200.000.000		
11	09/2025/NQ-HĐQT	29/08/2025	<p>1/ Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ gồm những tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; - Bản cáo bạch; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất; - Điều lệ công ty; - Nghị quyết và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 về việc thông qua Phương 			

			<p>án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 09 ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; - Báo cáo tài chính Công ty năm 2023, 2024 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính Công ty quý gần nhất; - Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành; - Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; - Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ ký giữa Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX; - Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc tách phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền lợi liên quan là các cá nhân, tổ chức liên quan đến mục đích sử dụng vốn; - Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc tách phiếu biểu quyết của các thành viên HĐQT Công ty liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán; - Văn bản cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu; - Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán; - Văn bản cam kết Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích; - Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Các hợp đồng chuyên nhượng và phụ lục đính kèm; + Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh; + Nghị quyết HĐQT số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh; <p>2/ Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty có trách nhiệm nộp Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) xem xét, phê duyệt đồng thời có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN.</p>
12	10/2025/NQ-HĐQT	04/12/2025	1/ Thông qua trình tự, thời gian thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 của CTCP VSC Green Logistics theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

thông qua như sau:

- Thông qua việc đồng thời triển khai thực hiện 2 phương án: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong cùng một đợt.
- + Sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông để thực hiện đồng thời các quyền: (1) quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức và (2) quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu vào cùng một ngày.
- + Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ không được hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.
- Thời gian thực hiện việc phát hành cổ phiếu: Trong Quý IV/2025 – Quý II/2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2/ Thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn đối với khoản bổ sung vốn lưu động đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

1. Số tiền thu được từ đợt chào bán sử dụng để Bổ sung vốn lưu động: 10.000.000.000 đồng
2. Kế hoạch sử dụng vốn chi tiết như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động, trong đó:	10.000.000.000	Trong năm 2026
1.1	Chi phí nhân công và quản lý	4.000.000.000	
1.2	Chi phí nhiên liệu, vật tư (tiêu hao, dự trữ,) và chi phí sửa chữa	3.000.000.000	
1.3	Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác	3.000.000.000	

3/ Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

- 1/ Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ gồm những tài liệu sau:
 - Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/2025/GIC-GĐKCB ngày 29/08/2025;
 - Bản cáo bạch;

13

11/2025/NQ
-HĐQT

04/12/2025

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 13/03/2025;
- Điều lệ công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Tờ trình Đại hội đồng cổ đông (9) ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics; Báo cáo tài chính Quý III/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 về việc Thông qua trình tự, thời gian thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 và các nội dung liên quan đến phương án phát hành;
- Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ số 1102/2025/HĐTVPH/GIC-VIX ngày 11/02/2025 ký giữa Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị số 02/2025/BC-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc tách phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền lợi liên quan là các cá nhân, tổ chức liên quan đến mục đích sử dụng vốn;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị số 01/2025/BC-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc tách phiếu biểu quyết của các thành viên HĐQT Công ty liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
- Văn bản số 20/2025/GIC-CV ngày 29/08/2025 về việc cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu;
- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán ngày 11/04/2025;
- Văn bản số 19/2025/GIC-CV ngày 29/08/2025 về việc cam kết Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Văn bản số 24/2025/GIC-CV ngày 04/12/2025 về việc không vi phạm sở hữu chéo theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt

			<p>chào bán cổ phiếu ra công chúng.</p> <p>2/ Nghị quyết này thay thế Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NQ-HĐQT ban hành ngày 29/08/2025 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày ban hành Nghị quyết này.</p> <p>3/ Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.</p>											
14	12/2025/NQ-HĐQT	04/12/2025	<p>1/ Chấp thuận chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan trong năm 2026.</p> <p>a. Đối tượng ký kết và thực hiện hợp đồng: Các công ty trong khối nhóm Viconship và các bên có liên quan khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán theo danh sách Người liên quan của Công ty từng thời điểm..</p> <p>b. Giá trị hợp đồng, giao dịch: có giá trị dưới 20% hoặc dưới 35% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty tùy từng trường hợp cụ thể tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch đó. Tổng giá trị các giao dịch phát sinh với một trong các đối tượng trên trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>2/ Ủy quyền cho Giám đốc triển khai việc đàm phán, ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p>											
15	13/2025/NQ-HĐQT	24/12/2025	<p>1/ Thông qua nguyên tắc ưu tiên sử dụng vốn và phương án xử lý trong trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến theo phương án đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 121.200.000.000 đồng sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với nguyên tắc ưu tiên sử dụng vốn cho các mục đích theo thứ tự từ trên xuống dưới, cụ thể như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung sử dụng vốn</th> <th>Giá trị giải ngân dự kiến</th> <th>Thời gian dự kiến giải ngân</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi/</td> <td>40.000.000.000</td> <td rowspan="2">Quý I/2026 đến Quý I/2027</td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 36/HĐCN/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty</td> <td>40.000.000.000</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến giải ngân	1	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi/	40.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027	1.1	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 36/HĐCN/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty	40.000.000.000
STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến giải ngân											
1	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi/	40.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027											
1.1	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 36/HĐCN/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty	40.000.000.000												

			TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics		
		2	Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải	67.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
		2.1	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 170/HĐCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và CTCP VSC Green Logistics	49.000.000.000	
		2.2	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 37/HĐCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics	18.000.000.000	
		3	Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị	4.200.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
		3.1	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 169/HĐCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và CTCP VSC Green Logistics	600.000.000	
		3.2	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 38/HĐCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics	3.600.000.000	
		4	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000	Trong năm 2026
		4.1	Chi phí nhân công và quản lý	4.000.000.000	
		4.2	Chi phí nhiên liệu, vật tư (tiêu hao, dự trữ,) và chi phí sửa chữa	3.000.000.000	

			<table border="1"> <tr> <td>4.3</td> <td>Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác</td> <td>3.000.000.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>Tổng cộng</td> <td>121.200.000.000</td> <td></td> </tr> </table> <p>- Trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến theo phương án đã được phê duyệt nêu trên, căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT Công ty sẽ thực hiện phân bổ số tiền sử dụng vốn như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiến hành phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán theo thứ tự ưu tiên (1), (2), (3), (4) và trong từng mục đích sử dụng vốn sẽ ưu tiên theo tuần tự từ (2.1) đến (2.2); từ (3.1) đến (3.3); và từ (4.1) đến (4.3) theo phương án sử dụng vốn nêu trên. + Xem xét sử dụng linh hoạt nguồn vốn vay, các nguồn vốn khác để bù đắp cho số tiền thiếu hụt trong tổng nhu cầu sử dụng vốn của Công ty. <p>2/ Giao và uỷ quyền cho Giám đốc Công ty có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.</p>	4.3	Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác	3.000.000.000			Tổng cộng	121.200.000.000					
4.3	Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác	3.000.000.000													
	Tổng cộng	121.200.000.000													
16	03/2025/QĐ-HĐQT	30/12/2025	<p>1/ Thông qua việc sửa đổi các nội dung sau đây trong Quy chế quản lý tài chính Công ty:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thay thế toàn bộ cụm từ “Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh” thành “Công ty Cổ phần VSC Green Logistics” trong toàn văn Quy chế. 2. Sửa đổi Điều 8 Quy chế, cụ thể như sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Điều khoản</th> <th>Nội dung cũ (Quy chế 2019)</th> <th>Nội dung sửa đổi đề xuất (2025)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Điều 8.2 (b) Thẩm quyền thanh lý TSCĐ</td> <td>Giám đốc quyết định thanh lý TSCĐ có giá trị còn lại nhỏ hơn 1 tỷ đồng và nguyên giá dưới 10 tỷ đồng</td> <td>Giám đốc quyết định thanh lý TSCĐ có giá trị còn lại nhỏ hơn 2 tỷ đồng và nguyên giá dưới 10 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Điều 8.3 Phương thức nhượng bán</td> <td>Giá trị còn lại dưới 500 triệu đồng và nguyên giá dưới 1 tỷ đồng thì Giám đốc chọn bán đấu giá hoặc thỏa thuận.</td> <td>Giá trị còn lại dưới 1 tỷ đồng và nguyên giá dưới 2 tỷ đồng thì Giám đốc chọn bán đấu giá hoặc thỏa thuận</td> </tr> </tbody> </table> <p>Điều 2 Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý tài chính Công ty Cổ phần VSC Green Logistics”.</p>	STT	Điều khoản	Nội dung cũ (Quy chế 2019)	Nội dung sửa đổi đề xuất (2025)	1	Điều 8.2 (b) Thẩm quyền thanh lý TSCĐ	Giám đốc quyết định thanh lý TSCĐ có giá trị còn lại nhỏ hơn 1 tỷ đồng và nguyên giá dưới 10 tỷ đồng	Giám đốc quyết định thanh lý TSCĐ có giá trị còn lại nhỏ hơn 2 tỷ đồng và nguyên giá dưới 10 tỷ đồng	2	Điều 8.3 Phương thức nhượng bán	Giá trị còn lại dưới 500 triệu đồng và nguyên giá dưới 1 tỷ đồng thì Giám đốc chọn bán đấu giá hoặc thỏa thuận.	Giá trị còn lại dưới 1 tỷ đồng và nguyên giá dưới 2 tỷ đồng thì Giám đốc chọn bán đấu giá hoặc thỏa thuận
STT	Điều khoản	Nội dung cũ (Quy chế 2019)	Nội dung sửa đổi đề xuất (2025)												
1	Điều 8.2 (b) Thẩm quyền thanh lý TSCĐ	Giám đốc quyết định thanh lý TSCĐ có giá trị còn lại nhỏ hơn 1 tỷ đồng và nguyên giá dưới 10 tỷ đồng	Giám đốc quyết định thanh lý TSCĐ có giá trị còn lại nhỏ hơn 2 tỷ đồng và nguyên giá dưới 10 tỷ đồng												
2	Điều 8.3 Phương thức nhượng bán	Giá trị còn lại dưới 500 triệu đồng và nguyên giá dưới 1 tỷ đồng thì Giám đốc chọn bán đấu giá hoặc thỏa thuận.	Giá trị còn lại dưới 1 tỷ đồng và nguyên giá dưới 2 tỷ đồng thì Giám đốc chọn bán đấu giá hoặc thỏa thuận												

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

Các thành viên HĐQT đều tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban	0
Phạm Thị Thuý Ngọc	Thành viên	0
Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Ban Kiểm soát Công ty họp 2 lần trong năm với các nội dung chính:

- Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2025, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

- Thực hiện việc giám sát các hoạt động quản lý điều hành Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

- Tham dự một số phiên họp của HĐQT, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

- Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

Trong năm 2025 Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2025, thành viên HĐQT và BKS Công ty không nhận tiền thù lao.

Tiền thưởng HĐQT, BKS năm 2024 đã được ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua, đã chi trong năm 2024 là: 306.000.000 đồng, chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền
1	Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch HĐQT	55.000.000
2	Ông Đồng Trung Hải	Thành viên HĐQT	55.000.000
3	Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên HĐQT	30.000.000
4	Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên HĐQT	30.000.000
5	Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên HĐQT	30.000.000
6	Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng BKS	28.000.000
7	Bà Phạm Thị Thuý Ngọc	Thành viên BKS	26.000.000

8	Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên BKS	26.000.000
9	Bà Phạm Thị Thuý Nga	Thư ký Công ty	26.000.000
	Tổng cộng:		306.000.000

Tiền lương, thưởng Ban giám đốc đã chi trong năm 2025 là: 1.583.812.155 đồng, chi tiết như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền
1	Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	980.996.128
2	Ông Đặng Quốc Vệ	Phó Giám đốc	602.816.027

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty CP Cảng Xanh VIP (VGR)	- Cùng công ty mẹ/ - Ông Nguyễn Kim Dương Khôi là TV HĐQT, Giám đốc VGR, đồng thời là TV HĐQT GIC - Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là Kế toán trưởng VGR, đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát GIC	0201579242 Cấp ngày 28/10/2014 tại Sở KH&ĐTTP	Khu Kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Đông Hải, Hải Phòng	năm 2025	12/2024/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2025	- Cung cấp dịch vụ: 24.486.245.762 VNĐ - Mua dịch vụ: 21.228.730.789 VNĐ
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh (GP)	- Cùng công ty mẹ/ - Bà Trần Thị Phương Anh là Giám đốc GP, đồng thời là TV HĐQT GIC	0201990244 Cấp ngày 01/11/2019 tại Sở KH&ĐTTP	Số 1 Ngô Quyền, Đông Hải, Hải Phòng	năm 2025	12/2024/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2025	- Cung cấp dịch vụ: 174.810.000 VNĐ
3	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh (GSL)	- Cùng công ty mẹ - Ông Đồng Trung Hải là Chủ tịch kiêm Giám đốc GSL, đồng thời là TV HĐQT kiêm Giám đốc GIC	0200468606 Cấp ngày/ Issue on 14/06/2002 tại/ by Sở KH&ĐTTP	Số 5 Võ Thị Sáu, Ngô Quyền, Hải Phòng	năm 2025/ year 2025	12/2024/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm	- Cung cấp dịch vụ: 664.611.801 VNĐ - Mua dịch vụ: 4.730.615.850 VNĐ

						2025	
4	Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics Xanh (GLC)	<ul style="list-style-type: none"> - Cùng công ty mẹ - Bà Trần Thị Phương Anh là chủ tịch GLC, đồng thời là TV HĐQT GIC - Ông Lê Quang Huy là Giám đốc GLC, đồng thời là TV HĐQT GIC - Bà Phan Thị Trung Hiếu là kế toán trưởng GLC đồng thời là TV BKS GIC 	0201263312 Cấp ngày 16/05/2012 tại Sở KH&ĐT HP	Lô đất CN3.2G KCN Đình Vũ, Đông Hải, Hải Phòng	năm 2025	12/2024/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ: 4.088.403.664 VNĐ - Mua dịch vụ: 31.034.077VN Đ
5	Công ty CP Container miền Trung (VSM)	<ul style="list-style-type: none"> - Cùng công ty mẹ - Bà Trần Thị Phương Anh là chủ tịch HĐQT VSM đồng thời là TV HĐQT GIC 	0400424349 Cấp ngày 13/06/2002 tại Sở KH&ĐT ĐN	75 Quang Trung, Hải Châu, Đà Nẵng	năm 2025	12/2024/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ: 2,314,815 VNĐ - Mua dịch vụ: 488.953.704 VNĐ
6	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh tại Thành phố Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - GIC và Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh tại thành phố Hà Nội cùng công ty mẹ 	0317513875-001 Cấp ngày 21/11/2022 tại Sở KH&ĐT HN	số 47 Cửa Đông, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	năm 2025	12/2024/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ: 2.458.665.556 VNĐ
7	Công ty cổ phần Cảng Quảng Bình – Đình Vũ (VGI)	<ul style="list-style-type: none"> - Cùng công ty mẹ - Bà Trần Thị Phương Anh là chủ tịch HĐQT VGI đồng thời là TV HĐQT GIC - Ông Lê Quang Huy là Giám đốc VGI đồng thời là TV HĐQT GIC - Bà Phạm Thị Thúy Ngọc là trưởng BKS VGI đồng thời là TV BKS GIC - Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là TV BKS VGI, đồng thời là Trưởng 	0201973263 Cấp ngày 06/07/2019 tại Sở KH&ĐT HP	Lô CN4.4F+L ô CN4.4G+L ô CN4.4H, KCN Đình Vũ (thuộc KTT Đình Vũ – Cát Hải), Đông Hải, Hải Phòng	năm 2025	12/2024/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2025	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ: 354,273,973 VNĐ

	<i>BKS GIC</i> - GIC sở hữu 13,31% cổ phần tại VGI					
8	Công ty CP Container Việt Nam (VSC) - Là công ty mẹ của GIC - Ông Nguyễn Đức Dũng là TV HĐQT VSC, đồng thời là chủ tịch HĐQT GIC - Bà Trần Thị Phương Anh là TV HĐQT VSC, đồng thời là TV HĐQT GIC - Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là Trưởng BKS GIC, đồng thời là TV BKS VSC - Bà Phan Thị Trung Hiếu là TV BKS, TV BKTNB VSC đồng thời là TV BKS GIC	0200453688 Cấp ngày 01/04/2002 tại Sở KH&ĐTTP	Số 11 Võ Thị Sáu, Ngõ Quyền, Hải Phòng	năm 2025/	12/2024/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa GIC với các bên có liên quan trong năm 2025	- Mua dịch vụ: 15.500.394.367 VNĐ

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành. Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

15/01/2025

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh) ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2025, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 12 tháng 2 năm 2026. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 4239
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 2 năm 2026

Đặng Thái Sơn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		85.165.704.112	54.068.820.897
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	74.601.867.643	33.445.666.939
111	Tiền		57.601.867.643	13.445.666.939
112	Các khoản tương đương tiền		17.000.000.000	20.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		7.894.206.876	17.883.341.171
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	5.628.006.876	7.713.741.171
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		100.000.000	20.600.000
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	-	10.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	2.166.200.000	149.000.000
140	Hàng tồn kho	7	2.312.996.410	2.449.951.323
141	Hàng tồn kho		2.312.996.410	2.449.951.323
150	Tài sản ngắn hạn khác		356.633.183	289.861.464
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	356.633.183	289.861.464
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		191.805.888.616	208.493.220.025
220	Tài sản cố định		18.403.149.412	29.749.493.225
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	18.341.779.412	29.649.363.225
222	Nguyên giá		153.456.732.137	153.456.732.137
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(135.114.952.725)	(123.807.368.912)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	61.370.000	100.130.000
228	Nguyên giá		1.224.742.459	1.224.742.459
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.163.372.459)	(1.124.612.459)
240	Tài sản dở dang dài hạn		148.148.148	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		148.148.148	-
250	Đầu tư tài chính dài hạn		65.456.549.582	67.593.742.351
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10	70.000.000.000	70.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10	(4.543.450.418)	(2.406.257.649)
260	Tài sản dài hạn khác		107.798.041.474	111.149.984.449
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	107.798.041.474	111.149.984.449
270	TỔNG TÀI SẢN		<u>276.971.592.728</u>	<u>262.562.040.922</u>

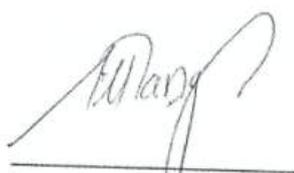
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

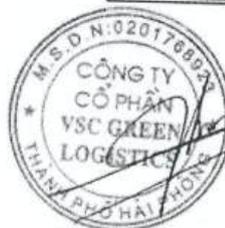
CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		21.980.558.911	20.197.777.280
310	Nợ ngắn hạn		21.105.011.797	19.543.015.338
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	2.748.011.553	3.364.617.465
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		86.230.600	50.460.600
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.336.864.259	1.062.528.076
314	Phải trả người lao động	13	8.172.872.324	8.569.331.783
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	7.323.299.418	5.392.985.508
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	1.015.013.643	892.017.906
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	422.720.000	211.074.000
330	Nợ dài hạn		875.547.114	654.761.942
342	Dự phòng phải trả dài hạn	17	875.547.114	654.761.942
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		254.991.033.817	242.364.263.642
410	Vốn chủ sở hữu		254.991.033.817	242.364.263.642
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	121.200.000.000	121.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.200.000.000	121.200.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	107.078.263.642	104.925.338.874
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	26.712.770.175	16.238.924.768
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		12.120.000.000	-
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		14.592.770.175	16.238.924.768
440	TỔNG NGUỒN VỐN		276.971.592.728	262.562.040.922


Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập




Đồng Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

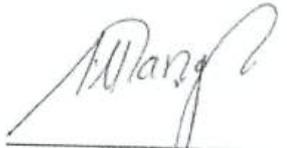
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

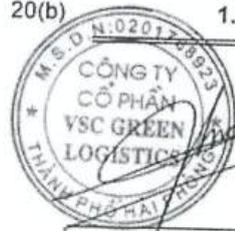
CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

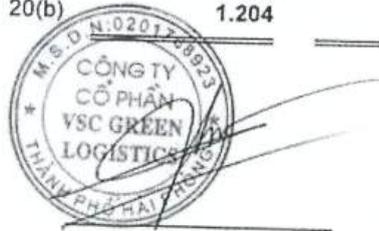
Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	155.974.747.414	159.342.953.965
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	155.974.747.414	159.342.953.965
11	Giá vốn cung cấp dịch vụ	(87.432.352.326)	(94.283.782.258)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	68.542.395.088	65.059.171.707
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.693.032.677	1.291.778.386
22	Chi phí tài chính	(2.162.768.425)	(1.942.895.623)
25	Chi phí bán hàng	(45.133.519.896)	(40.237.731.001)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(6.412.998.219)	(6.342.725.805)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.526.141.225	17.827.597.664
31	Thu nhập khác	-	265.783.589
32	Chi phí khác	(15.969.846)	(1.707.008)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác	(15.969.846)	264.076.581
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.510.171.379	18.091.674.245
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(1.917.401.204)	(1.852.749.477)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.592.770.175	16.238.924.768
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20(a) 1.204	1.203
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20(b) 1.204	1.203


Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập




Đồng Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

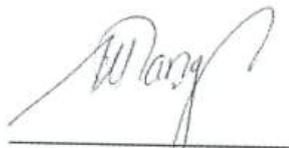
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

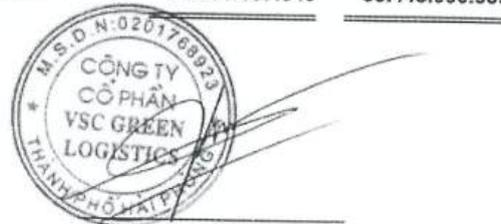
Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.510.171.379	18.091.674.245
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	11.346.343.813	14.382.709.207
03	Các khoản dự phòng	2.357.977.941	1.942.895.623
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.693.032.677)	(1.329.690.499)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	28.521.460.456	33.087.588.576
09	Tăng các khoản phải thu	(117.865.705)	(5.256.977.840)
10	Giảm hàng tồn kho	136.954.913	645.492.907
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	994.790.791	(4.852.037.047)
12	Giảm chi phí trả trước	3.285.171.256	3.438.747.131
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.837.889.536)	(1.912.746.283)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.448.354.000)	(1.674.600.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	29.534.268.175	23.475.467.444
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(148.148.148)	(1.646.841.481)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.351.851.852
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	10.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(20.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay	1.800.032.677	1.262.141.400
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	11.651.884.529	(19.032.848.229)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(29.952.000)	(14.517.180.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(29.952.000)	(14.517.180.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	41.156.200.704	(10.074.560.785)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 33.445.666.939	43.520.227.724
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 74.601.867.643	33.445.666.939


Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập




Đồng Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 12 tháng 2 năm 2026

Các thuyết minh trang 9 đến trang 36 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017. Thay đổi gần nhất (lần 4) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 13 tháng 3 năm 2025.

Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 8585663882 đề ngày 18 tháng 2 năm 2022 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 35 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là GIC.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 120 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 124 nhân viên).

Trình bày về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chế độ kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026. Do đó, Công ty sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Thông tư 99 yêu cầu đổi tên "Bảng cân đối kế toán" thành "Báo cáo tình hình tài chính"; thay đổi tên hoặc bổ sung thêm một vài chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Đối với việc ghi nhận, đo lường và trình bày, Thông tư 99 có các cập nhật quan trọng như chỉ bắt đầu ghi nhận chi phí sửa chữa định kỳ TSCĐ khi phát sinh thay vì được trích trước, v.v. Thông tư 99 cũng bổ sung quy định cho việc áp dụng các thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của Thông tư 99 theo phương pháp hồi tố đơn giản, hồi tố đầy đủ hoặc không hồi tố tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Ban Giám đốc của Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của Thông tư 99 đến việc đo lường và trình bày các số liệu so sánh trên báo cáo tài chính của Công ty trong các năm tài chính tới.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(b) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày tới hạn thu hồi.

2.10 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 TSCĐ (tiếp theo)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	1 – 6 năm
Phương tiện vận tải	3 – 8 năm
Thiết bị quản lý	3 – 5 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.15 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi cho nhân viên Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính và chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

VSC
V&L
/H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng các phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 2.8(b));
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10); và
- Chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 2.23).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền mặt	755.161.507	357.380.716
Tiền gửi ngân hàng	56.846.706.136	13.088.286.223
Các khoản tương đương tiền (*)	17.000.000.000	20.000.000.000
	<u>74.601.867.643</u>	<u>33.445.666.939</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng và lãi suất từ 4,20%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 2,45%/năm đến 3,20%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên thứ ba	855.324.315	1.073.156.121
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	4.772.682.561	6.640.585.050
	<u>5.628.006.876</u>	<u>7.713.741.171</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	-	10.000.000.000

Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay tiền số 01/2024/HĐVT/GIC-VGI để ngày 24 tháng 10 năm 2024 với Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (bên liên quan). Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam + biên độ 2%/năm.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Đặt cọc hợp đồng mua nguyên vật liệu (Thuyết minh 30(b))	2.000.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	124.200.000	-
Lãi tiền gửi phải thu	42.000.000	-
Lãi cho vay phải thu (Thuyết minh 30(b))	-	149.000.000
	<u>2.166.200.000</u>	<u>149.000.000</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Nguyên vật liệu	-	62.666.633
Công cụ, dụng cụ	134.567.000	134.567.000
Phụ tùng, linh kiện thay thế	2.178.429.410	2.252.717.690
	<u>2.312.996.410</u>	<u>2.449.951.323</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí bảo hiểm	272.539.083	174.100.353
Chi phí sửa chữa	-	115.761.111
Khác	84.094.100	-
	<u>356.633.183</u>	<u>289.861.464</u>

(b) Dài hạn

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí thuê đất (*)	106.940.776.956	110.335.722.252
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng (Thuyết minh 17)	751.130.131	572.766.694
Công cụ, dụng cụ	106.134.387	241.495.503
	<u>107.798.041.474</u>	<u>111.149.984.449</u>

(*) Đây là tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng đã trả cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP để ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	111.149.984.449	114.617.425.066
Tăng	207.636.165	245.699.546
Phân bổ trong năm	(3.559.579.140)	(3.713.140.163)
Số dư cuối năm	<u>107.798.041.474</u>	<u>111.149.984.449</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(*Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B 09 - DN

9 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	83.050.294.941	3.100.886.669	66.112.980.996	1.192.569.531	153.456.732.137
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	83.050.294.941	3.100.886.669	66.112.980.996	1.192.569.531	153.456.732.137
Giá trị khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(63.507.134.227)	(3.100.886.669)	(56.074.741.886)	(1.124.606.130)	(123.807.368.912)
Khấu hao trong kỳ	(5.926.646.256)	-	(5.353.584.163)	(27.353.394)	(11.307.583.813)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	(69.433.780.483)	(3.100.886.669)	(61.428.326.049)	(1.151.959.524)	(135.114.952.725)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	19.543.160.714	-	10.038.239.110	67.963.401	29.649.363.225
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	13.616.514.458	-	4.684.654.947	40.610.007	18.341.779.412

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 53.004.183.193 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 43.852.810.545 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

9 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	1.224.742.459
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>1.224.742.459</u>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(1.124.612.459)
Khấu hao trong năm	(38.760.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u>(1.163.372.459)</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	100.130.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	<u><u>61.370.000</u></u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.121.382.459 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.121.382.459 Đồng).

10 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>31.12.2025</u>			<u>31.12.2024</u>		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	70.000.000.000	(*) (4.543.450.418)		70.000.000.000	(*) (2.406.257.649)	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số lượng cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ tương ứng với 13,31% vốn điều lệ của công ty này.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2025		31.12.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	1.764.335.169	1.764.335.169	2.608.946.145	2.608.946.145
Trong đó				
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thịnh Tiến	592.977.460	592.977.460	1.267.592.400	1.267.592.400
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Dịch vụ Mitos	-	-	337.262.890	337.262.890
- Khác	1.171.357.709	1.171.357.709	1.004.090.855	1.004.090.855
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	983.676.384	983.676.384	755.671.320	755.671.320
	<u>2.748.011.553</u>	<u>2.748.011.553</u>	<u>3.364.617.465</u>	<u>3.364.617.465</u>

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà Nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã thực thu/ thực nộp trong năm VND	Cần trừ VND	Tại ngày 31.12.2025 VND
(a) Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	5.598.549.807	-	(5.598.549.807)	-
(b) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	380.341.230	12.490.015.182	(6.694.457.869)	(5.598.549.807)	577.348.736
Thuế TNDN	490.184.466	1.917.401.204	(1.837.889.536)	-	569.696.134
Thuế thu nhập cá nhân	192.002.380	756.551.375	(758.734.366)	-	189.819.389
Thuế khác	-	3.857.245	(3.857.245)	-	-
	<u>1.062.528.076</u>	<u>15.167.825.006</u>	<u>(9.294.939.016)</u>	<u>(5.598.549.807)</u>	<u>1.336.864.259</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí lương	1.120.972.308	1.426.310.988
Chi phí thưởng	7.051.900.016	7.143.020.795
	<u>8.172.872.324</u>	<u>8.569.331.783</u>

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Chi phí liên quan đến hãng tàu	7.122.050.950	5.182.974.040
Khác	201.248.468	210.011.468
	<u>7.323.299.418</u>	<u>5.392.985.508</u>

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Tiền thu hộ hãng tàu	839.404.717	725.376.105
Khác	175.608.926	166.641.801
	<u>1.015.013.643</u>	<u>892.017.906</u>

16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu kỳ/năm	211.074.000	225.674.000
Trích từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 19)	1.660.000.000	1.660.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(1.448.354.000)	(1.674.600.000)
Số dư cuối năm	<u>422.720.000</u>	<u>211.074.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng	875.547.114	654.761.942

Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP để ngày 25 tháng 1 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc khôi phục bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2025	31.12.2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.120.000	12.120.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2025		31.12.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,40	8.040.000	66,40
America LLC	673.700	5,56	673.700	5,56
Cổ đông khác	3.406.300	28,04	3.406.300	28,04
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.120.000	100	12.120.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	12.120.000	121.200.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Mẫu số B 09 - DN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	121.200.000.000	104.804.160.218	16.631.178.656	242.635.338.874
Chia cổ tức	-	-	(14.544.000.000)	(14.544.000.000)
Trích thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(306.000.000)	(306.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.660.000.000)	(1.660.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	121.178.656	(121.178.656)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.238.924.768	16.238.924.768
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	121.200.000.000	104.925.338.874	16.238.924.768	242.364.263.642
Trích thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	(306.000.000)	(306.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16) (*)	-	-	(1.660.000.000)	(1.660.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	2.152.924.768	(2.152.924.768)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	14.592.770.175	14.592.770.175
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	121.200.000.000	107.078.263.642	26.712.770.175	254.991.033.817

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 10 tháng 3 năm 2025, các cổ đông đã thông qua phương án sử dụng LNST chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu là 12.120.000.000 Đồng (tổng số cổ phiếu sẽ phát hành thêm dự kiến là 1.212.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1); (**)
- Trích thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 306.000.000 Đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.660.000.000 Đồng;
- Trích quỹ đầu tư phát triển là 2.152.924.768 Đồng; và
- Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá trị là 121.200.000.000 Đồng theo phương thức thực hiện quyền mua (tổng số cổ phiếu sẽ phát hành thêm dự kiến là 12.120.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1). (**)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

(**) Trong năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành cho Công ty (i) Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 33/GCN-UBCK để ngày 30 tháng 1 năm 2026, theo đó chấp thuận cho Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; và (ii) Công văn số 1007/UBCK-QLCB thông báo nghĩa vụ khi thực hiện chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Bên cạnh đó, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2026/NQ-HĐQT để ngày 10 tháng 2 năm 2026 đã thông qua (i) ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu phát hành thêm là ngày 3 tháng 3 năm 2026; và (ii) thời gian đăng ký đặt mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu là từ ngày 9 tháng 3 năm 2026 đến ngày 15 tháng 4 năm 2026. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, Công ty chưa hoàn thành xong các thủ tục phát hành cổ phiếu.

20 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	14.592.770.175	16.238.924.768
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(1.660.000.000)
	<u>14.592.770.175</u>	<u>14.578.924.768</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	12.120.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.204</u>	<u>1.203</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức trong năm 2026 và có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

20 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được tính lại dựa theo số thực tế trích quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2024		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	16.238.924.768	-	16.238.924.768
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(1.660.000.000)	(1.660.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	16.238.924.768	(1.660.000.000)	14.578.924.768
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	12.120.000	12.120.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.340	(137)	1.203

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

21 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2025 VND	2024 VND
Doanh thu xếp dỡ, nâng hạ container	135.562.540.249	139.738.234.408
Doanh thu sửa chữa container	12.765.391.837	13.402.305.479
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	7.646.815.328	6.202.414.078
	155.974.747.414	159.342.953.965

22 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	29.722.692.391	30.195.233.543
Chi phí nguyên vật liệu	25.925.058.668	27.203.678.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.176.288.183	22.268.930.938
Chi phí khấu hao	11.307.583.813	14.379.479.207
Chi phí khác	300.729.271	236.460.000
	87.432.352.326	94.283.782.258

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

23	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2025 VND	2024 VND
	Lãi tiền gửi	1.464.758.704	559.572.907
	Lãi cho vay (Thuyết minh 30(a))	228.273.973	732.205.479
		<u>1.693.032.677</u>	<u>1.291.778.386</u>
24	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	2025 VND	2024 VND
	Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào đơn vị khác	2.137.192.769	1.942.895.623
	Khác	25.575.656	-
		<u>2.162.768.425</u>	<u>1.942.895.623</u>
25	CHI PHÍ BÁN HÀNG	2025 VND	2024 VND
	Chi phí liên quan đến hãng tàu	21.329.846.000	18.977.145.000
	Chi phí hoa hồng - bên thứ ba	1.400.850.000	3.110.876.588
	Chi phí hoa hồng - bên liên quan (Thuyết minh 30(a)) (*)	21.228.730.789	16.686.760.228
	Khác	1.174.093.107	1.462.949.185
		<u>45.133.519.896</u>	<u>40.237.731.001</u>
	(*) Theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 01/2023/VGR-GIC đề ngày 1 tháng 1 năm 2023 và số 01/2024/VGR-GIC đề ngày 1 tháng 1 năm 2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (bên liên quan), Công ty chi trả chi phí hoa hồng cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP khi Công ty thực hiện và thu được doanh thu từ dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container của các hãng tàu là đối tác của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP. Chi phí hoa hồng được tính theo số lượng container được xếp dỡ, nâng hạ và đơn giá được quy định cụ thể trong hợp đồng.		
26	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	2025 VND	2024 VND
	Chi phí nhân viên	4.636.712.566	4.404.190.502
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.192.204.327	1.455.782.280
	Chi phí khác	584.081.326	482.753.023
		<u>6.412.998.219</u>	<u>6.342.725.805</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

27 THUẾ TNDN

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2017 - 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% áp dụng trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên có doanh thu (2017 - 2031). Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 10% như sau:

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.510.171.379	18.091.674.245
Thuế tính ở thuế suất 10%	1.651.017.138	1.809.167.425
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.183.785.269	1.896.331.529
Thuế được giảm	(1.917.401.203)	(1.852.749.477)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.917.401.204</u>	<u>1.852.749.477</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.917.401.204	1.852.749.477
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.917.401.204</u>	<u>1.852.749.477</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	34.359.404.957	34.599.424.045
Chi phí nguyên vật liệu	25.925.058.668	27.203.678.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.368.492.510	23.724.713.218
Chi phí hoa hồng	22.629.580.789	19.797.636.816
Chi phí liên quan đến hàng tàu	21.329.846.000	18.977.145.000
Chi phí khấu hao	11.346.343.813	14.382.709.207
Chi phí khác	2.020.143.704	2.178.932.208
	<u>138.978.870.441</u>	<u>140.864.239.064</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh dịch vụ chính là xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác phát sinh lần lượt là 7,6 tỷ Đồng và 2,6 tỷ Đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ cũng như giá vốn dịch vụ cung cấp. Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên chủ yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đinh Vũ	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	Bên nhận đầu tư và công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (*)	Bên liên quan khác

(*) Từ ngày 10 tháng 10 năm 2024, Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần Container Việt Nam, công ty mẹ. Do Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship là công ty con trực tiếp của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship nên cũng trở thành bên liên quan khác của Công ty từ ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2025 VND	2024 VND
<i>i) Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	24.486.245.762	8.142.328.871
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	4.088.403.664	955.997.143
Công ty TNHH MTV Viconsip Hồ Chí Minh	2.458.665.556	103.120.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	664.611.801	507.850.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	174.810.000	81.520.924
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	2.314.815	-
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Định Vũ	-	222.687.274
	<u>31.875.051.598</u>	<u>10.013.504.212</u>
<i>ii) Mua nguyên vật liệu</i>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	13.568.394.367	-
	<u>13.568.394.367</u>	<u>-</u>
<i>iii) Mua dịch vụ</i>		
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	4.730.615.850	3.263.974.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.932.000.000	966.000.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	488.953.704	-
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	83.200.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	31.034.077	48.851.853
	<u>7.265.803.631</u>	<u>4.278.825.853</u>
<i>iv) Đặt cọc mua nguyên vật liệu</i>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	2.000.000.000	-
	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2025 VND	2024 VND
v) Thanh lý TSCĐ, công cụ, dụng cụ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	868.000.000
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đĩnh Vũ	-	1.351.851.852
	<u>-</u>	<u>2.219.851.852</u>
(vi) Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 25)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	21.228.730.789	16.686.760.228
	<u>21.228.730.789</u>	<u>16.686.760.228</u>
(vii) Hoạt động đầu tư		
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đĩnh Vũ		
- Cho vay	-	10.000.000.000
- Thu nhập lãi từ cho vay (Thuyết minh 23)	228.273.973	732.205.479
- Thu hồi khoản cho vay	10.000.000.000	-
	<u>10.228.273.973</u>	<u>10.732.205.479</u>
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh		
- Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đĩnh Vũ (Thuyết minh 10)	-	20.000.000.000
	<u>-</u>	<u>20.000.000.000</u>
(viii) Chi trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	9.648.000.000
	<u>-</u>	<u>9.648.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2025 VND	2024 VND
ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch	55.000.000	-
Ông Lê Quang Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/3/2025)	-	-
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/3/2025)	30.000.000	40.000.000
Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên	30.000.000	40.000.000
Ông Đông Trung Hải	Thành viên	55.000.000	42.000.000
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên	30.000.000	40.000.000
Ông Cấp Trọng Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/3/2024)	-	42.000.000
		<u>200.000.000</u>	<u>204.000.000</u>
Ban Kiểm soát			
Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban	28.000.000	30.000.000
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên	26.000.000	24.000.000
Bà Phạm Thị Thúy Ngọc	Thành viên	26.000.000	24.000.000
		<u>80.000.000</u>	<u>78.000.000</u>
Ban Giám đốc			
Ông Đông Trung Hải	Giám đốc	980.996.128	899.234.497
Ông Đặng Quốc Vệ	Phó Giám đốc	602.816.027	310.436.805
		<u>1.583.812.155</u>	<u>1.209.671.302</u>
Kế toán trưởng			
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng	592.506.522	274.303.717
Bà Vũ Trà My	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 1/6/2024)	-	314.748.636
		<u>592.506.522</u>	<u>589.052.353</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối kỳ kế toán/năm tài chính với các bên liên quan

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	3.518.116.174	5.715.274.001
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	803.041.067	135.399.049
Công ty TNHH MTV Viconsip Hồ Chí Minh	396.144.000	756.432.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	49.495.320	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	5.886.000	33.480.000
	<u>4.772.682.561</u>	<u>6.640.585.050</u>
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	-	10.000.000.000
	<u>-</u>	<u>10.000.000.000</u>
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	-	149.000.000
	<u>2.000.000.000</u>	<u>149.000.000</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	691.363.080	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	269.183.304	740.911.320
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	23.130.000	14.760.000
	<u>983.676.384</u>	<u>755.671.320</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
(Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh)

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

31 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	31.12.2025 VND	31.12.2024 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc	40.000.000.000	-
Phương tiện vận tải	67.000.000.000	-
Máy móc, thiết bị	4.200.000.000	-
	<u>111.200.000.000</u>	<u>-</u>

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 12 tháng 2 năm 2026.


Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập


Đồng Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

12 / 0 2 0 2 6 / 0 1 1

* Báo cáo tài chính Công ty năm 2025 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ: www.greenicd.com.vn.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Đông Trung Hải

